

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN CƠ SỞ



Dây chuyền chế biến chả cá Surimi



Phòng máy



Kho đông lạnh



Khu dò kim loại



Khu vực sấy đồ khô



Máy lọc vảy cá

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN CƠ SỞ



Khu vực nhà ăn



Bể tách dầu 3 ngăn



Mương thu gom nước thải rửa nguyên liệu và vệ sinh thiết bị, nhà xưởng



Mương dẫn nước thải sản xuất về hệ thống XLNT tập trung



Hệ thống XLNT tập trung của Nhà máy

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH LIÊN QUAN CƠ SỞ



Đường ống D60 dẫn nước thải sau xử lý ra Sông Gianh



Bể hấp thụ của hệ thống xử lý bụi, khí thải



Đường ống thu bụi, khí thải từ phòng sấy về hệ thống xử lý



Hệ thống xử lý bụi, khí thải của phòng sấy



Kho chứa chất thải nguy hại



Kho tập kết rác thải sinh hoạt

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3100125463

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 27 tháng 10 năm 2023

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÔNG GIANH  
QUẢNG BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: C.TY CP THỦY SẢN SÔNG GIANH

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Thôn Thanh Khê, Xã Thanh Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Điện thoại: 02323.866014; 0913295448

Fax: 02323.866580

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng*

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: ĐẬU HẢI THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 01/01/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044076002429

Ngày cấp: 23/02/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 3, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh  
Quảng Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ dân phố 3, Phường Hải Thành, Thành phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng  
Bình, Việt Nam

\* Họ và tên: ĐẬU ĐỨC THUẬN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 19/09/1980 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044080000097

Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 603 N01A, 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 603 N01A, 275 Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Hiếu



GIẤY CHỨNG NHẬN  
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AP 387568

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CHỨNG NHẬN**

**I- Tên người sử dụng đất**

**Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh Quảng Bình**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số: 3100125463 (MS cũ: 2903000060). Đăng ký lần đầu, ngày 18 tháng 5 năm 2006. Thay đổi lần thứ 2, ngày 16 tháng 4 năm 2009. Do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình  
Địa chỉ: xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

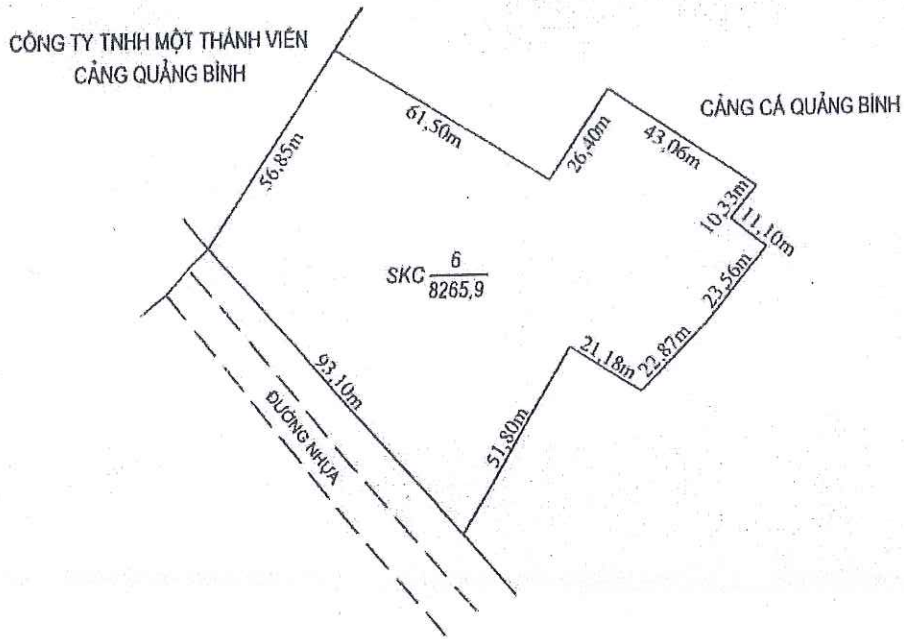
**II- Thửa đất được quyền sử dụng**

1. Thửa đất số: 6    2. Tờ bản đồ số: 2
3. Địa chỉ thửa đất: xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
4. Diện tích: 8265,9 m<sup>2</sup>  
(*Bằng chữ: Tám nghìn hai trăm sáu mươi lăm phẩy chín mét vuông*)
5. Hình thức sử dụng:
  - + Sử dụng riêng: 8265,9 m
  - + Sử dụng chung: không m<sup>2</sup>
6. Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh
7. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031
8. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

**III- Tài sản gắn liền với đất**

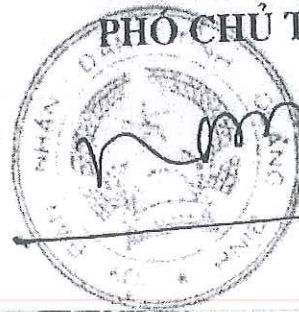
**IV- Ghi chú**

V- Sơ đồ thửa đất



Tỉ lệ 1:2000

Ngày 13 tháng 7 năm 2009  
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



NGUYỄN HỮU HOÀI

## VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
24/4/2017	<p>Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với Cơ sở chế biến Thủy sản</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà xưởng - khu vực sấy hàng: Diện tích xây dựng: 419,8 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 419,8 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Bể xử lý nước thải: Diện tích xây dựng: 102,5 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: -; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà giặt là: Diện tích xây dựng: 63,1 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 63,1 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà xưởng hàng khô: Diện tích xây dựng: 236,2 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 236,2 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà ở công nhân: Diện tích xây dựng: 301,2 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 301,2 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà xưởng đóng gói bao bì: Diện tích xây dựng: 482,6 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 482,6 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà xe 1: Diện tích xây dựng: 86,2 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 86,2 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà xe 2: Diện tích xây dựng: 100,6 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 100,6 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Văn phòng: Diện tích xây dựng: 211,3 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 422,6 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp III; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà nghỉ: Diện tích xây dựng: 125,1 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 125,1 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031</li> <li>- Nhà xưởng chế biến cá SURIMI: Diện tích xây dựng: 776,3 m<sup>2</sup>; Diện tích sàn: 776,3 m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: Sở hữu riêng; Cấp công trình: Cấp IV; Thời hạn sở hữu: Đến ngày 18 tháng 9 năm 2031.</li> </ul>	<p style="font-size: small;">SỞ TÀI NGUYÊN VÀ ĐẤT QUẢNG BÌNH</p> <p style="font-size: x-large; font-weight: bold;">SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG</p> <p style="font-size: small;">HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p style="font-size: small;">QUANG BÌNH</p> <p style="font-size: large; font-weight: bold;">P. GIÁM ĐỐC</p> <p style="font-size: large;">Hoàng Quốc Việt</p>

Kèm theo Giấy chứng nhận này có hàng bổ sung số 01, 02, 03  
**NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:**

1. Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
2. Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
3. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
4. Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.

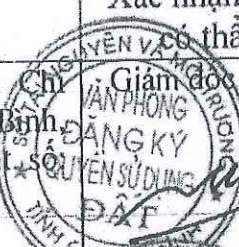
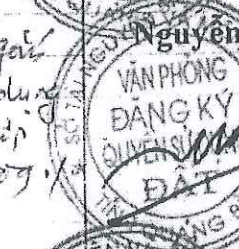

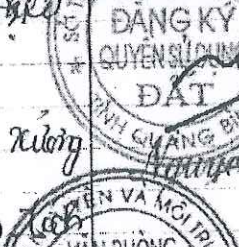



**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Thửa đất số: 06, Tờ bản đồ số: 02


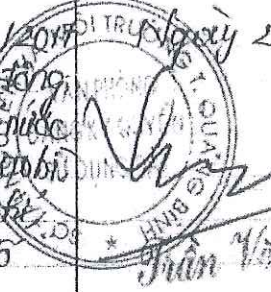
Số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: AP 387568

Số vào sổ cấp giấy: T 03059

**VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
27/7/2009	Đăng ký thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất với Chi nhánh Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương Quảng Bình theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0275/2009/HĐTC ngày 24/7/2009./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thanh Mai
25/8/2009	Đăng ký thế chấp bổ sung tài sản gắn liền với đất với Chi nhánh Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương Quảng Bình theo hợp đồng SN: 0297/2009/HĐTC ngày 20/8/2009./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thanh Mai
19/1/2010	Đăng ký thế chấp bổ sung tài sản gắn liền với đất với Chi nhánh GTĐD Quảng Bình theo hợp đồng SN: 0001/2010/HĐTC ngày 14/1/2010./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thanh Mai
20/01/2011	Đã xóa đăng ký thế chấp theo hồ sơ SN: 00009/VT./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thanh Mai
23/9/2011	Chứng nhận bổ sung quyền sử dụng nhà riêng chế biến hàng đông Diện tích xây dựng: 2700m <sup>2</sup> ; tổng diện tích sàn: 2700m <sup>2</sup> Kết cấu: Đường gạch, tuynong bê tông, trần nhôm, sàn lát cấp công trình: cấp 4; số tầng: 01 Nam hoàn thành xây dựng: 2010 Chênh lệch nở nở: 00017/VT./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thanh Mai
05/10/2011	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hồ sơ số 00066/VT./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thanh Mai
23/3/2017	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 05/10/2011 theo hồ sơ số 000019.XC.029./	 Giám đốc VPĐKQSDĐ Nguyễn Thị Kim H

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
23/3/2017	Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại Ngân hàng TMCP Quốc dân - chi nhánh Quảng Bình, địa chỉ: số 18 Quang Trung, phường Hải Bình, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình theo hồ sơ số: 077019. TC. 031.1.	 Nguyễn Thị Kim Liên
28/4/2017	Nội dung đăng ký thế chấp ngày 23/3/2017 có thay đổi từ Nhà xưởng chế biến hàng đông, nhà xưởng - khu vực sấy hàng, bể xử lý nước thải, nhà giặt là, nhà xưởng đóng gói, nhà xe 1, nhà xe 2, văn phòng, nhà nghỉ Nhà xưởng chế cá sunimi theo hồ sơ số 077019. TC. 054.1.	 Trần Văn Phương

Người được cấp Trang bổ sung giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần chú ý:

1. Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Trang bổ sung.
2. Trang bổ sung là một bộ phận không thể tách rời của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
3. Khi bị mất hoặc hư hỏng Trang bổ sung phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

# TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

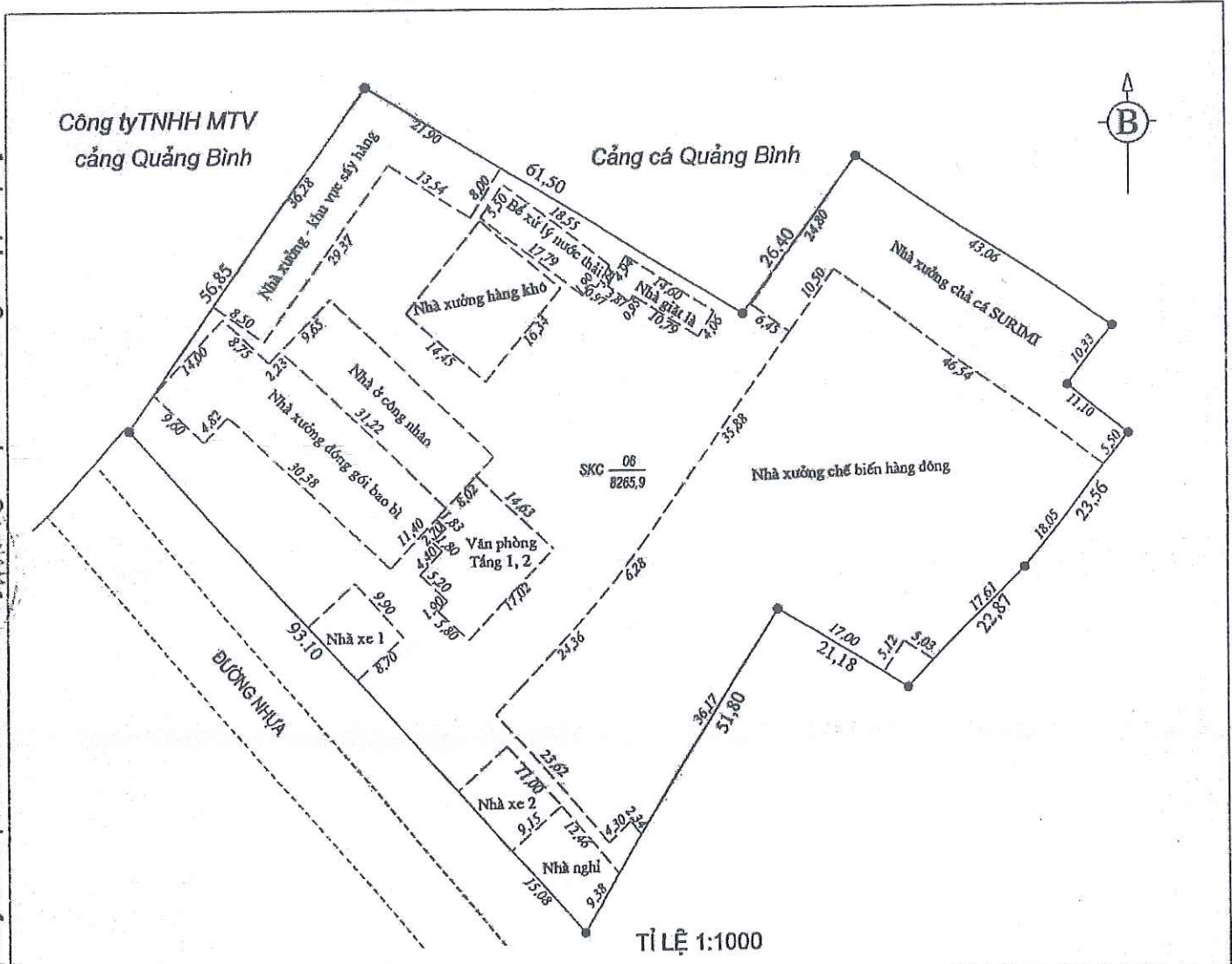
Thửa đất số: 06;

Tờ bản đồ số: 02

Số phát hành GCN: AP 387568

Số vào sổ cấp GCN: T 03059

SƠ ĐỒ NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH GẮN LIỀN VỚI ĐẤT



Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ); Công suất	Cấp công trình	Hình thức sở hữu	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng - khu vực sấy hàng	419,8	419,8	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Bể xử lý nước thải	102,5	-	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà giặt là	63,1	63,1	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà xưởng hàng khô	236,2	236,2	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà ở công nhân	301,2	301,2	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà xưởng đóng gói bao bì	482,6	482,6	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà xe 1	86,2	86,2	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà xe 2	100,6	100,6	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Văn phòng	211,3	422,6	III	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà nghỉ	125,1	125,1	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà xưởng chế biến hàng đông	2700,0	2700,0	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031
Nhà xưởng chả cá SURIMI	776,3	776,3	IV	Sở hữu riêng	Đến ngày 18/9/2031

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 201/QĐ-UBND

Quảng Bình, ngày 24 tháng 7 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh, ngày 07 tháng 4 năm 2017;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 50/CVH ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1278/STNMT-CCMT ngày 10 tháng 7 năm 2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh (sau đây gọi là Cơ sở) của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh (sau đây gọi là Chủ cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:

#### 1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí: Tại Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

1.2. Công suất hoạt động: Sản xuất mực susi 200 tấn/năm; cá Surimi 500 tấn/năm, cá nội địa 200 tấn/năm; mực khô gia công 100 tấn/năm.

#### 2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.



2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường bao gồm: Hoàn thành các phương án thu gom, lưu giữ, xử lý chất rắn thông thường và chất thải nguy hại, thời hạn hoàn thành trước tháng 9/2017; Cải tạo và đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải xám, hệ thống thu gom, xử lý nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn, thời hạn hoàn thành trước tháng 9/2017; Hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý khí thải tại khu vực chế biến đồ khô và khu chế biến cá, thời hạn hoàn thành trước tháng 12/2017.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo về kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để kiểm tra, giám sát.

### 3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Nước thải phải được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 11-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải chế biến thủy sản; các hồ, bể trong hệ thống xử lý nước thải phải được xử lý chống thấm và chống tràn; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phải được thu gom xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

3.2. Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành khác.

3.3. Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt; cập nhật, lưu giữ số liệu và định kỳ báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Bảo đảm kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường như đã nêu trong Đề án bảo vệ môi trường.

3.4. Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư, chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động để khẩn trương khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Bồ Trạch, UBND xã Thanh Trạch để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu hoàn toàn trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi so với nội dung Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt, chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Bồ Trách và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về kết quả kiểm tra, giám sát.

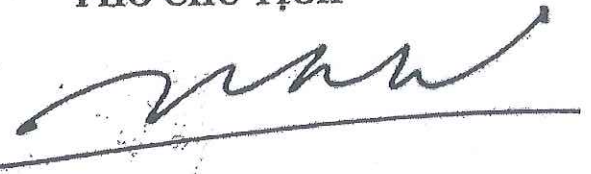
Điều 4: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND huyện Bồ Trách, Chủ tịch UBND xã Thanh Trách và Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.  
Số chứng thực 1036/Quyển số 02/8CT/BS

Lê Minh Ngân

Ngày 31-08-2017



UBND xã Thanh Trách

Lê Văn Nghiệp



Số: 330/TĐ-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 28/TTr-SG ngày 06/5/2022 của: Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình.

Người đại diện là: Ông Đậu Hải Thanh Chức danh: Giám đốc.

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH**  
**CHỨNG NHẬN**

**CÔNG TRÌNH: LẮP ĐẶT HỆ THỐNG PCCC VÀ**  
**HỆ THỐNG ĐIỆN MẶT TRỜI LẮP TRÊN MÁI NHÀ THUỘC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÔNG GIANH QUẢNG BÌNH**

Địa điểm xây dựng: xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình.

Đơn vị lập thiết kế: Công ty TNHH tư vấn và thi công PCCC Thời Đại.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa;
- Bố trí mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC, giao thông phục vụ chữa cháy;
- Lối thoát nạn cho người;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Bố trí phương tiện chữa cháy tại chỗ.
- Giải pháp tiếp cận hệ thống điện mặt trời áp trên mái nhà;
- Giải pháp an toàn trong vận hành và điều khiển hệ thống điện mặt trời;
- Hệ thống cấp điện cho PCCC; hệ thống chống sét.

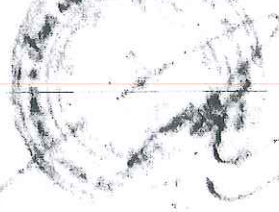
Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an,
- Công an huyện Bố Trạch,
- Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình,
- Lưu: PC07(TM)

Quảng Bình, ngày 29 tháng 5 năm 2022

**TRƯỞNG PHÒNG**



Thiếu tá Dương Tuấn Anh

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**  
**GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 51/2021/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Bình;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình ngày 08/6/2022 và hồ sơ kèm theo; đề nghị của Trường phòng Biển, Đảo và Tài nguyên nước tại Báo cáo thẩm định số 11/BC-BĐTNN ngày 03 tháng 8 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình, địa chỉ tại thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình được khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Cấp nước phục vụ hoạt động sản xuất.
2. Vị trí công trình khai thác nước: Thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tọa độ các giếng khai thác thành lập theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, kinh tuyến trực 106<sup>0</sup>, tỉ lệ 1:10.000 được xác định như sau:

$$\text{GD1: } X(m) = 1957.891; Y(m) = 550.753$$

$$\text{GD2: } X(m) = 1957.895; Y(m) = 550.716$$

$$\text{GD3: } X(m) = 1957.875; Y(m) = 550.697$$

3. Tầng chứa nước khai thác: Trầm tích Đệ Tứ.
4. Tổng số giếng khai thác: 03 giếng đào.
5. Tổng lưu lượng nước khai thác: 30 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
6. Thời hạn khai thác nước: Năm (05) năm.

*Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình khai thác*

Số hiệu giếng	Tọa độ VN2000 (Múi chiếu 3 <sup>o</sup> , kinh tuyến trực 106 <sup>o</sup> )		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến			
GD1	1957.891	550.753	10	5	0,0	5,7	2,0	4,5	Trầm tích Đệ Tứ
GD2	1957.895	550.716	10	5	0,0	5,7	2,0	4,5	
GD3	1957.875	550.697	10	5	0,0	5,7	2,0	4,5	

*(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)*

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này, nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;
2. Thực hiện quan trắc, giám sát mực nước, lưu lượng, chất lượng nước, lắp đặt thiết bị đo lưu lượng trong quá trình khai thác theo quy định;
3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định;
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định;
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước;
6. Hằng năm trước ngày 31 tháng 12, tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này;
7. Chịu sự kiểm tra của cơ quan quản lý tài nguyên nước trong quá trình khai thác, sử dụng nước;

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI  
Số: 240122/HĐ -XLMTNA - TSSG

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4.104.VX của Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (lần 2) ngày 04/05/2020;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số 1-2-3-4-5-6.071.VX của Công ty CP môi trường Nghi Sơn do Bộ tài nguyên môi trường cấp (lần 6) ngày 07/06/2021;
- Căn cứ Công văn số 3548/BTNMT- TCMT ngày 02 tháng 07 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn;
- Căn cứ nhu cầu của Công ty cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình và khả năng thực hiện công việc của Công ty CP Xử lý môi trường Nghệ An.

Hôm nay, ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại văn phòng Công ty cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình, chúng tôi gồm có:

**BÊN A (Bên giao): CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÔNG GIANH QUẢNG BÌNH**

Địa chỉ : Thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Điện thoại : 0232.3866.014

Mã số thuế : 3100125463

Người đại diện : Ông Đậu Đức Thuận Chức vụ: Tổng Giám đốc

**BÊN B (Bên nhận): CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN**

Địa chỉ : Xóm 5, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại : 0982.491.067 Email: nguyensexuan.xlmt@gmail.com

Tài khoản : 0101000997708 tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh Nghệ An.

Mã số thuế : 2901070574

Người đại diện : Ông Nguyễn Văn Xuân Chức vụ : Giám đốc

- Điện thoại thường trực khi gọi lấy chất thải: Ông Nguyễn Ngọc Tú (0973.692.777)

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH) với những điều khoản sau đây:

## ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao CTNH của Bên A để xử lý, tiêu hủy theo quy định của pháp luật hiện hành về thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH.

- Cách thức thu gom CTNH: Bên A thông báo trước (bằng văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B trước 03 ngày về thời gian thu gom CTNH.
- Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) mà bên A là chủ nguồn thải.
- Lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.
- Địa điểm thu gom CTNH: Tại Công ty cổ phần Thủy sản Sông Gianh Quảng Bình (Thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình).
- Địa điểm xử lý CTNH của Bên B: Tại Cơ sở tái chế dầu nhớt thải - Xóm 6, xã Hưng Yên Nam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.
- Địa điểm chuyển giao xử lý: Công ty CP Môi trường Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Phương thức xử lý CTNH: Xử lý CTNH theo đúng phương án xử lý được quy định tại Giấy phép xử lý CTNH có mã số: QLCTNH: 1-2-3-4.104.VX của bên B do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 04/05/2020 và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt).
- Thời hạn của Hợp đồng: 01 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Kết thúc thời hạn nói trên các Bên cùng nhau thương lượng về việc ký kết hợp đồng mới. Trường hợp không thỏa thuận được, các Bên sẽ tiến hành nghiệm thu và không còn nợ giữa hai bên thì coi như Hợp đồng này tự động thanh lý.

## ĐIỀU 2 : ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý:

- 2.1.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyển giao xử lý chất thải theo dạng khoán: 10.000.000 đồng/ 01 lần thu gom (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT). Khối lượng chất thải nguy hại không vượt quá 600 kg/ 01 lần thu gom (Sáu trăm kilogam một lần thu gom). Trường hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh vượt quá khối lượng 600 kg/ 01 lần thu gom thì ngoài đơn giá khoán ra, chi phí xử lý phát sinh sẽ áp dụng đơn giá thu gom: Số kilogam vượt nhân 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng).  
Danh mục chất thải thu gom như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13
3	Chất hấp thụ, vật liệu, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
4	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02
5	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/ nước	Lỏng	17 05 05
6	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01

2.1.2. Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

## 2.2 Hình thức thanh toán:

2.2.1. Hình thức thanh toán: Việc thanh toán sẽ được thực hiện theo hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên B theo tiến độ như sau:

- Đợt 1: Tạm ứng 50% tổng giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký hợp đồng.
- Đợt 2: Thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại chậm nhất 10 ngày sau khi nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm (tính theo thời điểm xuất hóa đơn):
  - + Hóa đơn giá trị gia tăng;
  - + Đề nghị thanh toán;
  - + Biên bản nghiệm thu khối lượng;
  - + Liên chứng từ chất thải nguy hại số 4.

2.2.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.

2.2.3. Trường hợp nếu bên A chậm thanh toán cho bên B theo (Điểm 1, khoản 2.2) thì ngoài giá trị hợp đồng nêu trên bên A phải chịu thêm phạt với mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.

## ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

### 3.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Thông báo số lượng, chủng loại chất thải cho bên B trước khi thu gom vận chuyển. Đảm bảo các loại chất thải nguy hại bên A chuyển giao cho bên B có trong giấy phép của Công ty CP xử lý môi trường Nghệ An và Công văn số 3548/BTNMT-TCMT ngày 02/07/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chấp thuận chuyển giao chất thải nguy hại giữa Công ty CP xử lý Môi trường Nghệ An và Công ty CP Môi trường Nghi Sơn (không bao gồm các chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt);
- Tiến hành thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời các chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định. Nơi chứa chất thải phải thuận tiện cho xe ra vào lấy chất thải;
- Hỗ trợ bên B việc vận chuyển chất thải lên xe trong trường hợp khối lượng thu gom lớn cần phải có phương tiện cơ giới bốc dỡ;
- Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo với bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các chất thải với nhau. Trường hợp các CTNH không đúng như thông báo với Bên B thì các Bên tiến hành lập biên bản bổ sung chủng loại CTNH cần xử lý theo đúng quy định của pháp luật cho Bên B;
- Bên A có trách nhiệm theo dõi giám sát quá trình giao nhận chất thải và phối hợp lập chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;
- Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển, xử lý và chuyên giao xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng;
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### 3.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật về sai phạm (nếu có) kể từ khi bắt đầu nhận số lượng chất thải của bên A bàn giao đến khi xử lý triệt để lượng chất thải đó;
- Chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện đảm bảo yêu cầu của pháp luật và an toàn để bốc dỡ, thu gom chất thải tại khu lưu giữ CTNH của Bên A theo đúng thời gian mà hai bên thỏa thuận;

310012:  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NYSANSONG  
QUANG BÌNH  
ĐẠCH - T. GI.

107C  
IGT  
CUL  
TRU  
HE  
VEN

- Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải;
- Bên B sẽ thu gom chất thải nguy hại của bên A đã được lưu chứa trong phương tiện, vật chứa chuyên dụng, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý, chuyển giao xử lý chất thải của bên B;
- Bên B cam kết lưu giữ, xử lý, chuyển giao chất thải theo đúng với quy định của pháp luật;
- Chuyển trả chứng từ CTNH cho Bên A sau khi xử lý và chuyển giao xử lý hoàn tất các loại CTNH;
- Trong trường hợp phương tiện vận chuyển hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp (bổ tri) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong vòng 3 ngày làm việc;
- Cùng bên A xác nhận khối lượng, chất thải thu gom, vận chuyển xử lý;
- Bên B có quyền tạm dừng vận chuyển CTNH của bên A khi chất thải nguy hại không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp này các Bên tiến hành lập biên bản làm căn cứ xác nhận.
- Có quyền yêu cầu bồi thường và phạt vi phạm Hợp đồng theo Điều 6 của Hợp đồng này;
- Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghiêm túc và đúng các điều khoản của Hợp đồng này;
- Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo Điều 2 Hợp đồng này;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 4: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ ĐƠN PHƯƠNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

##### **4.1. Hợp đồng này sẽ được coi là chấm dứt trong các trường hợp sau:**

- 4.1.1. Kết thúc thời hạn của Hợp đồng và các bên hoàn thành mọi nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nghĩa vụ thanh toán, nghĩa vụ bồi thường (nếu có) và nghĩa vụ bảo mật thông tin;
- 4.1.2. Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- 4.1.3. Một trong hai bên bị giải thể, phá sản hoặc bị đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này cách thức chấm dứt Hợp đồng sẽ do các bên thỏa thuận trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam.

##### **4.2. Đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng:**

- 4.2.1. Mỗi bên có quyền đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng nếu chứng minh bên kia không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định của hợp đồng. Thông báo đơn phương chấm dứt hoặc tạm dừng Hợp đồng phải được gửi cho bên vi phạm 30 ngày làm việc trước ngày đơn phương chấm dứt, tạm dừng hợp đồng;
- 4.2.2. Trường hợp hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt, tạm dừng không tuân thủ theo quy định trên, thì bên chấm dứt Hợp đồng không đúng quy định phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và chịu phạt vi phạm Hợp đồng cho Bên kia;
- 4.2.3. Các Bên không phải bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm Hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

**5.1.** Sự kiện bất khả kháng là tất cả những sự kiện vượt khả năng kiểm soát của các bên, không thể biết trước được, không có sẵn và không thể khắc phục được sau ngày ký hợp đồng này, làm cản trở toàn bộ hay một phần việc thực hiện nghĩa vụ của bất cứ bên nào. Những sự kiện này bao gồm động đất, bão lớn, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh và những hành động của Chính phủ hoặc công chúng, bệnh dịch, nổi loạn, đình công hoặc bất cứ sự việc nào không thể biết trước, không thể ngăn cản hoặc kiểm soát được, bao gồm những sự kiện được xác định là sự kiện bất khả kháng theo tập quán thương mại chung của Việt Nam;

**5.2.** Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng dẫn đến các bên không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì các bên không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thanh trạch, ngày 01 tháng 01 năm 2023*

**HỢP ĐỒNG THU GOM RÁC THẢI SINH HOẠT**

**Số: 01/HĐTGRT**

- Căn cứ: Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13;
- Căn cứ: Bộ luật thương mại số 36/2005/QH11;
- Căn cứ: Bộ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ: Thỏa thuận của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2023, tại địa chỉ: Thanh trạch - Bồ trạch - Quảng Bình, chúng tôi bao gồm:

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SÔNG GIANG QUẢNG BÌNH**  
Mã số thuế: 3100125463

Địa chỉ: Thôn Thanh Khê, xã Thanh trạch, huyện Bồ trạch, tỉnh Quảng Bình  
Email: ntsckc@gmail.com

Số điện thoại liên lạc: 02323.866.014 Fax:.....

Đại diện: **ĐẬU ĐỨC THUẬN**

Chức danh: Tổng Giám đốc

**BÊN B : CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SINH THÁI SỸ HIỀN**  
Mã số thuế: 3100960577

Địa chỉ: Thôn Thanh Khê, xã Thanh trạch, huyện Bồ trạch, tỉnh Quảng Bình

Email: .....

Số điện thoại liên lạc: 0706.038.074 Fax:.....

Đại diện: **NGUYỄN SỸ HIỀN**

Chức danh: .....

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng số 01/HĐTGRT với những nội dung sau đây:

**Điều 1: Nội dung công việc**

1. Hai bên thỏa thuận về việc bên A thuê dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt tại nhà máy công ty
2. Thời hạn hợp đồng (tối đa không vượt quá 5 năm): Từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/12/2026
3. Giá hạn hợp đồng

Khi hết hạn hợp đồng bên A tiếp tục ủy quyền cho bên B theo nội dung hợp đồng này với các điều kiện sau

Hai bên tiếp tục có như cấu kỳ tiếp hợp đồng.

- Bên B thực hiện từ nội dung, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng này.

#### **Điều 2: Mô tả công việc**

1. Tần suất thu gom: Bên B thực hiện thu gom rác thải tại nhà máy lần suất ngày 01 lần. Nhựa rác ở khu nhà rác của công ty và các thùng rác để bên ngoài
2. Thời gian thu gom: Thu gom, vận chuyển trong ngày đến khi nào hết rác, có thể vào buổi sáng, bắt đầu từ 06 giờ 00 phút (Nếu vì lý do thời tiết bất khả kháng thì sẽ chuyển sang buổi chiều bắt đầu từ 13 giờ 30 phút ) cụ thể:
3. Tần suất và thời gian thu gom có thể thay đổi phụ thuộc vào khối lượng rác trong nhà máy và những vấn đề đột xuất do khách quan mang lại hoặc phục vụ nhiệm vụ theo kế hoạch của công ty.
4. Bao bì bên B phải bỏ vào bao và vận chuyển đi trong ngày.

#### **Điều 3: Quy trình xử lý rác thải sinh hoạt**

Bước 1: Phân loại chất thải rắn hay các loại chất thải khác.

Bước 2: Tiến hành thu gom tận nơi.

#### **Điều 4: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B: 2.000.000VND/ tháng
2. Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt Việt Nam đồng
- 2.1. Cách thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
3. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B vào cuối tháng.

#### **Điều 6: Trách nhiệm của các bên**

1. Trách nhiệm của bên A:

- 1.1. Chứa rác vào nhà để rác và thùng chứa rác chuyên dụng đúng chuẩn, thực hiện đầy đủ các quy định về phân loại rác thải rắn tại nguồn, không được đưa các loại rác thải nguy hại, rác thải không hợp pháp và rác thải có thể gây cháy.
- 1.2. Nếu xảy ra bất kỳ tình trạng phát sinh rác thải ngoài quy định của hợp đồng để chung với rác thải sinh hoạt, Bên B có quyền từ chối thu gom rác thải này ngày hôm đó (hai bên lập biên bản sự việc).
- 1.3. Giao rác đúng thời gian và đặt tại vị trí đúng thỏa thuận, nơi lưu chứa rác thải phải thuận tiện cho xe lấy rác vào thu gom.

1.4. Thực hiện đúng quy định về phân loại rác thải tại nguồn.

2. Trách nhiệm của bên B:

2.1. Bố trí nhân sự phù hợp, phương tiện đến nhận rác thải sinh hoạt theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo đúng các quy định về vệ sinh công ty. Phương tiện vận chuyển phải được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường, bảo đảm thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi đã thu gom.

2.2. Bên B sẽ từ chối thu gom hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng này nếu có các loại rác thải không có trong quy định của hợp đồng và những rác thải vật liệu không hợp pháp dễ gây cháy, nổ hoặc chứa hóa chất độc hại trộn lẫn trong thành phần rác bên A đã giao cho bên B.

#### **Điều 7: Chấm dứt hợp đồng**

1. Hợp đồng có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Theo thoả thuận của hai Bên;
- Do bất khả kháng;
- Sau khi các Bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng;
- Theo quy định của pháp luật.

2. Một Bên được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nhưng phải thông báo cho Bên còn lại trước ba mươi ngày. Nếu việc chấm dứt Hợp đồng của một Bên không do lỗi của Bên còn lại và hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng gây tổn thất, thiệt hại cho Bên còn lại thì Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

3. Trường hợp một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do lỗi của Bên còn lại thì Bên còn lại phải bồi thường các thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

4. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng trước hạn vì bất cứ lý do gì, hai Bên có nghĩa vụ tiến hành thanh lý hợp đồng bằng việc lập Biên bản thanh lý để xác nhận chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ của mỗi Bên quy định tại Hợp đồng này.

5. Bất kể Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp nào, Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các chi phí Bên A đến thời điểm Hợp đồng chấm dứt.

6. Các khoản phạt và bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ thanh toán của bất kỳ Bên nào đối với Bên còn lại phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng

#### **Điều 8: Sự kiện bất khả kháng**

1. Hợp đồng có thể bị tạm dừng thực hiện hoặc chấm dứt hiệu lực trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên tiến hành thỏa thuận trong vòng 01 tháng kể từ ngày được biết về sự kiện xảy ra về việc tạm ngưng hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng.

2. Hai bên thỏa thuận về các điều khoản sau trong thỏa thuận tạm ngưng hợp đồng

- Thời gian tạm ngưng hợp đồng,

- Áp dụng các biện pháp khẩn cấp để giảm thiểu tổn thất

- Trách nhiệm của các bên để khắc phục hậu quả do sự kiện bất khả kháng gây ra

....

Thỏa thuận về việc tạm ngưng hợp đồng phải được lập thành văn bản và có sự xác nhận của hai bên

3. Hai bên có thể thống nhất chấm dứt hợp đồng trong trường hợp không thể khắc phục hậu quả do sự kiện bất khả kháng gây ra.

#### **Điều 9: Giải quyết tranh chấp**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh các bên giải quyết trên tinh thần hoà giải, thương lượng. Các bên tiến hành thương lượng, hòa giải ít nhất 3 lần trong vòng 1 tháng kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp. Trường hợp thương lượng bất thành, một trong hai bên có quyền khởi kiện ra toà án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

2. Hợp đồng này được xác lập và thi hành theo pháp luật của Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

#### **Điều 11: Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026

2. Trường hợp có bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Hợp Đồng này không thể thực thi hoặc bị vô hiệu do thoả thuận trái với quy định của pháp luật thì các điều khoản, điều kiện còn lại của Hợp Đồng vẫn được đảm bảo thi hành.

#### **Điều 12: Điều khoản cuối cùng**

1. Hợp đồng này được kí kết tại văn phòng Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Sông Gianh Quảng Bình vào ngày 01 tháng 01 năm 2023

2. Hợp đồng được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý ngang nhau và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 Khi hai bên ký phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng này.

Thanh trạch, ngày 01 tháng 01 năm 2023.

**Bên A**  
(Người đại diện ký tên)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Đậu Đức Thuận

**Bên B**



Nguyễn Sỹ Kiên



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỦ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 289/67 /HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Độ ồn.  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2022  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Thiết bị đo: Máy đo độ ồn tích phân Model: CR 272  
5. Phương pháp đo: TCVN 7878-2 : 2018  
6. Ngày đo: 16/5/2022  
7. Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	dBA	70,1
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 - Ym: 550.753)	dBA	74,2
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	dBA	66,9
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	dBA	65,5
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	dBA	79,3
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	dBA	64,7

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN *Thy*

*Chieu*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 20 tháng 6 năm 2022



Phan Thanh Giàn

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *thời điểm* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỦ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 290/21 /HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 1/1

- Tên mẫu: Hàm lượng khí độc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2022  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh
- Phương pháp thử: SO<sub>2</sub> (TCVN 5971:1995), CO (HD-HSMT 13.07),  
NO<sub>2</sub> (TCVN 6137:2009)
- Ngày đo: 16/5/2022
- Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả		
			SO <sub>2</sub>	CO	NO <sub>2</sub>
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	µg/m <sup>3</sup>	18	3.150	25
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	µg/m <sup>3</sup>	18	<3.000	22
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	3.320	14

Ghi chú: - Các thiết bị đã chuyên hoạt động bình thường  
- KPH : không phát hiện

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

*(Signature)*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 16 tháng 6 năm 2022



Phan Thanh Giàn

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *hớt dề* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 29/165 /HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Hàm lượng bụi.  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2022  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Ngày đo: 16/5/2022  
5. Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	80
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	60
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	110

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

*(Signature)*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 20 tháng 6 năm 2022



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *Hạt mịn* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 292/QT /HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Nước thải  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh.  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2022 tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Quy cách mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm lấy mẫu.  
(Mẫu nước thải được lấy tại đầu ra hệ thống xử lý, tọa độ Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)  
5. Ngày lấy mẫu: 16/5/2022  
6. Kết quả phân tích:

TT	Kết quả kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH	TCVN 6492 : 2011		7,2
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625 : 2000	mg/l	42
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	136
4	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	56,7
5	P tổng	TCVN 6202 : 2008	mg/l	0,2
6	Amoni (tính theo Nitơ)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	< 0,9
7	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	2,1

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN *Th*

*Chuu*

Giang Tân Thông

Đồng Hới, ngày 20 tháng 6 năm 2022



Phan Thanh Giàn

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *mẫu* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 293/ST /HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Nước dưới đất 2. Kí hiệu: NN  
3. Khách hàng: Công ty Cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
4. Quy cách mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm lấy mẫu.  
5. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2022 tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
6. Ngày lấy mẫu: 16/5/2022  
7. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH	TCVN 6492 : 2011		6,1
2	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	TCVN 6224:1996	mg/l	80,5
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo Nitơ)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	< 0,03
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo Nitơ)	TCVN 6180 : 1996	mg/l	< 0,02
5	Fe (sắt tổng số)	TCVN 6177 : 1996	mg/l	< 0,02
6	Sulfat	TCVN 6200 : 1996	mg/l	12
7	Cl <sup>-</sup> (Clorua)	TCVN 6194 : 1996	mg/l	23,4

Ghi chú: Mẫu được lấy tại giếng khoan của Nhà máy (tọa độ Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN *[Signature]*

*[Signature]*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 20 tháng 6 năm 2022



*[Signature]*  
Phan Thanh Giàn

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *Mẫu* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỦ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 24/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỦ NGHIỆM

Trang số 0/1

- Tên mẫu: Hàm lượng khí độc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh
- Phương pháp thử: SO<sub>2</sub> (TCVN 5971:1995), CO (HD-HSMT 13.07),  
NO<sub>2</sub> (TCVN 6137:2009)
- Ngày đo: 13/2/2023
- Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả		
			SO <sub>2</sub>	CO	NO <sub>2</sub>
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	< 3.000	< 10
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	< 3.000	< 10
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	µg/m <sup>3</sup>	21	3.530	32
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	µg/m <sup>3</sup>	15	< 3.000	18
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	< 3.000	< 10
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	< 3.000	12

Ghi chú: - Các thiết bị đây chuyên hoạt động bình thường  
- KPH: không phát hiện

Trưởng phòng TN

Giang Tân Thông

Đồng Hới, ngày 23 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho thời điểm đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 23/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 0/1

- Tên mẫu: Độ ồn.
- Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh
- Thiết bị đo: Máy đo độ ồn tích phân Model: CR 272
- Phương pháp đo: TCVN 7878-2 : 2018
- Ngày đo: 13/2/2023
- Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	dBA	68,6
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	dBA	72,5
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	dBA	65,1
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	dBA	64,2
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	dBA	77,8
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	dBA	61,5

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

*Chuan*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 23 tháng 02 năm 2023



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *Huở Tiễn* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 25/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 1/1

1. Tên mẫu: Hàm lượng bụi.  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Ngày đo: 13/2/2023  
5. Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	60
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	70

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 23 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phạm Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *thời điểm* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỦ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 26 / QT / HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Nước thải  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh.  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Quy cách mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thủ nghiệm lấy mẫu.  
(Mẫu nước thải được lấy tại đầu ra hệ thống xử lý, tọa độ Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)  
5. Ngày lấy mẫu: 13/2/2023  
6. Kết quả phân tích:

TT	Kết quả kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH	TCVN 6492 : 2011		7,1
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625 : 2000	mg/l	27
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	76,8
4	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	46,1
5	P tổng	TCVN 6202 : 2008	mg/l	0,4
6	Amoni (tính theo Nitơ)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	< 0,9
7	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	2,5
8	TDS	HD-HDMT 13.73	mg/l	966
9	Coliform *	TCVN 6187-2:1996	MPN/100ml	460
10	Clo dư*	SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> .G-2017	mg/l	0,085
11	Florua*	SMEWW 4500-F-B&D-2017	mg/l	0,765

Ghi chú: Chi tiêu đánh dấu (\*) do Công ty CP liên minh Môi trường và Xây dựng (Mã số Vinceris 185) thực hiện

Trưởng phòng TN

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 23 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Giàn

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 271/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Nước dưới đất 2. Kí hiệu: NN  
3. Khách hàng: Công ty Cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
4. Quy cách mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm lấy mẫu.  
5. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
6. Ngày lấy mẫu: 13/2/2023  
7. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH	TCVN 6492 : 2011		6,2
2	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	TCVN 6224:1996	mg/l	82
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo Nito)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	< 0,03
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo Nito)	TCVN 6180 : 1996	mg/l	< 0,02
5	Fe (sắt tổng số)	TCVN 6177 : 1996	mg/l	< 0,02
6	Sulfat	TCVN 6200 : 1996	mg/l	10
7	Cl <sup>-</sup> (Clorua)	TCVN 6194 : 1996	mg/l	32,62

Ghi chú: Mẫu được lấy tại giếng khoan của Nhà máy (tọa độ Xm: 1957.879.- Ym: 550.805)

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TNV

Giang Tân Thông

Đồng Hới, ngày 23 tháng 02 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 392/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Độ ồn.  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Thiết bị đo: Máy đo độ ồn tích phân Model SE402  
5. Phương pháp đo: TCVN 7878-2 : 2018  
6. Ngày đo: 28/9/2023  
7. Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	dBA	67,5
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	dBA	71,9
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	dBA	66,7
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	dBA	65,5
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	dBA	79,5
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	dBA	68,8

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

*Chữ ký*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 06 tháng 10 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *thời điểm* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỦ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 393/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỦ NGHIỆM

Trang số 01/1

- Tên mẫu: Hàm lượng khí độc.
- Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh
- Phương pháp thử: SO<sub>2</sub> (TCVN 5971:1995), CO (HD-HSMT 13.07),  
NO<sub>2</sub> (TCVN 6137:2009)
- Ngày đo: 28/9/2023
- Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả		
			SO <sub>2</sub>	CO	NO <sub>2</sub>
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	µg/m <sup>3</sup>	18	3.320	26
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	µg/m <sup>3</sup>	12	<3.000	16
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	µg/m <sup>3</sup>	< 10	<3.000	< 10

Ghi chú: - Các thiết bị đang chuyên hoạt động bình thường  
- KPH : không phát hiện

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 08 tháng 10 năm 2023



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho thời điểm đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỦ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 394/QT/HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Hàm lượng bụi.  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Ngày đo: 28/9/2023  
5. Kết quả đo:

TT	Vị trí đo	Đơn vị tính	Kết quả
1	Khu chế biến cá nguyên con (Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
2	Khu chế biến chả cá (Xm: 1957.891 Ym: 550.753)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
3	Khu chế biến đồ khô (Xm: 1957.895 - Ym: 550.716)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
4	Khu xử lý nước thải của nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
5	Kho đông lạnh (Xm: 1957.875 - Ym: 550.697)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	< 50
6	Cổng ra vào nhà máy (Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	60

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 06 tháng 10 năm 2023



Phan Thanh Giản

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho *thời điểm* đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 395 / QT / HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01/1

1. Tên mẫu: Nước thải  
2. Khách hàng: Công ty cổ phần thủy sản Sông Gianh.  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
3. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
4. Quy cách mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm lấy mẫu.  
(Mẫu nước thải được lấy tại đầu ra hệ thống xử lý, tọa độ Xm: 1957.888 - Ym: 550.801)  
5. Ngày lấy mẫu: 28/9/2023  
6. Kết quả phân tích:

TT	Kết quả kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH	TCVN 6492 : 2011		8,1
2	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625 : 2000	mg/l	32
3	COD	SMEWW 5220C:2017	mg/l	80
4	BOD <sub>5</sub>	TCVN 6001-1:2008	mg/l	48,2
5	P tổng	TCVN 6202 : 2008	mg/l	0,52
6	Amoni (tính theo Nito)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	< 0,9
7	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	3,2
8	TDS	HD-HDMT 13.73	mg/l	2.208

Ghi chú: Chỉ tiêu đánh dấu (\*) do Công ty CP liên minh Môi trường và Xây dựng (Mã số Vincerst 185) thực hiện

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

*Chung*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 06 tháng 10 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



*Phan Thanh Giàn*

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG BÌNH  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT ĐO LƯỜNG THỬ NGHIỆM

ĐC: TDP 10 - Phường Đồng Phú - TP. Đồng Hới - Quảng Bình  
Điện thoại: 0232-3858338 / 0919 430 138 \* Fax: 0232-3858339

Số: 396/QT /HSMT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Trang số 01 / 1

1. Tên mẫu: Nước dưới đất 2. Kí hiệu: NN  
3. Khách hàng: Công ty Cổ phần thủy sản Sông Gianh  
Địa chỉ: Xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình  
4. Quy cách mẫu: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm lấy mẫu.  
5. Mục đích: Quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023  
tại Nhà máy chế biến thủy sản Sông Gianh  
6. Ngày lấy mẫu: 28/9/2023  
7. Kết quả phân tích:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả
1	pH	TCVN 6492 : 2011		6,6
2	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub>	TCVN 6224:1996	mg/l	115
3	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo Nito)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	< 0,03
4	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo Nito)	TCVN 6180 : 1996	mg/l	< 0,02
5	Fe (sắt tổng số)	TCVN 6177 : 1996	mg/l	< 0,02
6	Sulfat	TCVN 6200 : 1996	mg/l	16
7	Cl <sup>-</sup> (Clorua)	TCVN 6194 : 1996	mg/l	35,45

Ghi chú: Mẫu được lấy tại giếng khoan của Nhà máy (tọa độ Xm: 1957.879 - Ym: 550.805)

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO/IEC17025

Trưởng phòng TN

*Chữ ký*

Giang Tấn Thông

Đồng Hới, ngày 06 tháng 10 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Phan Thanh Giàn

Ghi chú: - Kết quả này chỉ có giá trị cho mẫu đã được kiểm tra  
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu khách hàng

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 574/QĐ-UBND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 13 tháng 3 năm 2014

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QB	
ĐẾN	- Số: 167
	- Ngày: 18/3/2014
	- Chuyên: cho

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v cấp giấy phép khai thác nước dưới đất  
cho Công ty Cổ phần Thủy sản sông Gianh Quảng Bình

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 142/TTr-TNMT ngày 05 tháng 3 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần Thủy sản sông Gianh Quảng Bình khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

- Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cho hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản và sinh hoạt, ăn uống.
- Vị trí công trình khai thác nước: Thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Tầng chứa nước khai thác: Trầm tích hệ Đệ tứ.
- Tổng số giếng khai thác: 01 giếng khoan (GK).
- Tổng lượng nước khai thác: 20 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Thời hạn khai thác: 10 năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của giếng:

Số hiệu giếng	Tọa độ VN 2000 (Mũi chiếu 3 <sup>0</sup> )		Lưu lượng khai thác (m <sup>3</sup> /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Mức nước động cho phép (m)
	X(m)	Y(m)			Từ	Đến		
GK	1957.879	550.805	20	5	7	8	2	6,5

(Có bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác kèm theo)

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Thủy sản sông Gianh Quảng Bình:

1. Bảo đảm tầng chứa nước không bị suy thoái, cạn kiệt, sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả.

2. Bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật.

3. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, nộp thuế tài nguyên; bảo vệ nguồn nước tại khu vực khai thác, bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

4. Cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước dưới đất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được nhà nước cho phép; thực hiện báo cáo định kỳ kết quả khai thác, sử dụng nước trước ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm.

5. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa khắc phục sự cố gây sụt lún mặt đất trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước; báo cáo kịp thời với cơ quan cấp giấy phép để có biện pháp xử lý thích hợp.

6. Có biện pháp giám sát, lắp đặt thiết bị đo lưu lượng quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

7. Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

**Điều 3.** Công ty cổ phần Thủy sản sông Gianh Quảng Bình được hưởng các quyền lợi hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Bố Trạch, Chủ tịch UBND xã Thanh Trạch, Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy sản sông Gianh Quảng Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Quản lý TNN;
- Lưu: VT, CV TNMT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Xuân Quang**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 358 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện  
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường

TÀI NG

và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chứng nhận "Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm" thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình, địa chỉ tại Tổ dân phố 10, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 060/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 060) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 3.** Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Bình;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL(10).

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

## Phụ lục

**LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
THỬ NGHIỆM VÀ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC  
MÔI TRƯỜNG**

**Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm,  
Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình .**

*(Kèm theo Quyết định số 358 /QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 02 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

## 1. Nước:

## 1.1. Nước mặt:

## 1.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo tại hiện trường):

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50°C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD-HSMT 13.73	0 ÷ 100 g/l
4	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 4.000 NTU
5	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/l

*HD-HSMT 13.73: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS ngoài hiện trường*

- Lấy và bảo quản mẫu:

STT	Loại mẫu	Số hiệu phương pháp
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018; TCVN 5994: 1995; TCVN 6663-14:2018

## 1.1.2. Phân tích trong phòng thí nghiệm:

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Giới hạn phát hiện
1	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5 mg/l
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017	3 mg/l
3	Nhu cầu oxi sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001 -1: 2008	1,5 mg/l
4	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178:1996	0,003 mg/l
5	Nitrat(NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6180:1996	0,02 mg/l
6	Kẽm (Zn)	TCVN 6193:1996	0,02 mg/l
7	Chì (Pb)	SMEWW 3113B : 2017	0,005 mg/l
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/l
9	Đồng (Cu)	TCVN 6193:1996	0,02 mg/l

10	Amoni ( $\text{NH}_4^+-\text{N}$ )	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/l
11	Tổng dầu mỡ	SMEWW. 5520B: 2017	0,3 mg/l
12	Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}-\text{P}$ )	TCVN 6202 : 2008	0,02 mg/l
13	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	3 mg/l
14	Coliform	TCVN 6187-1:2019	1VK/100ml
15	Nitơ tổng số	TCVN 6638: 2000	1 mg/l
16	Độ cứng (tính theo $\text{CaCO}_3$ )	TCVN 6224:1996	4 mg/l
17	Sunfat	TCVN 6200:1996	4 mg/l
18	Tổng Photpho	TCVN 6202: 2008	0,03 mg/l
19	E.coli	TCVN 6187-1:2019	1 VK/100ml

## 1.2. Nước dưới đất:

### 1.2.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo tại hiện trường):

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50 <sup>0</sup> C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD-HSMT 13.73	0÷100 g/l
4	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 4.000 NTU
5	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/l

HD-HSMT 13.73: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS ngoài hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

STT	Loại mẫu	Số hiệu phương pháp
1	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-14:2018

### 1.2.2. Phân tích trong phòng thí nghiệm:

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Giới hạn phát hiện
1	Độ cứng (tính theo $\text{CaCO}_3$ )	TCVN 6224:1996	4 mg/l
2	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	0,4 mg/l
3	Nitrat( $\text{NO}_3^--\text{N}$ )	TCVN 6180:1996	0,02 mg/l
4	Sulfat ( $\text{SO}_4^{2-}$ )	TCVN 6200:1996	4 mg/l
5	Clorua (Cl)	TCVN 6194:1996	3 mg/l
6	Amoni ( $\text{NH}_4^+-\text{N}$ )	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/l
7	Đồng (Cu)	TCVN 6193:1996	0,02 mg/l
8	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/l
9	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,07 mg/l
10	Coliform	TCVN 6187-1:2019	1VK/100ml

#### 1.4. Nước biển:

##### 1.4.1. Quan trắc hiện trường (Ven bờ):

- Thông số (đo tại hiện trường):

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50 <sup>0</sup> C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD-HSMT 13.73	0 ÷ 100 g/l
4	Độ đục	SMEWW 2130B:2017	0 ÷ 4.000 NTU
5	Oxy hòa tan (DO)	TCVN 7325:2016	0 ÷ 16 mg/l

HD-HSMT 13.73: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS ngoài hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

STT	Loại mẫu	Số hiệu phương pháp
1	Mẫu nước biển	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016 TCVN 5998 : 1995; TCVN 6663-14:2018

##### 1.4.2. Phân tích trong phòng thí nghiệm:

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Giới hạn phát hiện
1	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5 mg/l
2	Nhu cầu oxi sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001 -1: 2008	4 mg/l
3	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178:1996	0,01 mg/l
4	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)	TCVN 6202 : 2008	0,02 mg/l
5	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)	TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/l
6	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,03 mg/l
7	Coliform	TCVN 6187-1:2019	1VK/100ml

#### 2. Không khí:

##### 2.1. Không khí xung quanh:

##### 2.1.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo tại hiện trường):

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 60 <sup>0</sup> C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 95%RH
3	Tiếng ồn	TCVN 7878-2: 2018	32 ÷ 140dBA

- Lấy và bảo quản mẫu:

STT	Loại mẫu	Số hiệu phương pháp
1	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	TCVN 5067: 1995

11	Nitơ tổng số	TCVN 6638: 2000	1 mg/l
12	Kẽm (Zn)	TCVN 6193: 1996	0,02 mg/l
13	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625: 2000	5 mg/l
14	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1: 2008	1,5 mg/l
15	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178: 1996	0,01 mg/l
16	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P)	TCVN 6202: 2008	0,02 mg/l
17	Tổng Photpho	TCVN 6202: 2008	0,03 mg/l
18	E.coli	TCVN 6187-1:2019	1 VK/100ml

### 1.3. Nước thải:

#### 1.3.1. Quan trắc hiện trường:

- Thông số (đo tại hiện trường):

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	4 ÷ 50 <sup>0</sup> C
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	HD-HSMT 13.73	0÷100 g/l

HD-HSMT 13.73: Quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS ngoài hiện trường

- Lấy và bảo quản mẫu:

STT	Loại mẫu	Số hiệu phương pháp
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016 TCVN 5999:1995; TCVN 6663-14:2018

#### 1.3.2. Phân tích trong phòng thí nghiệm:

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Giới hạn phát hiện
1	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	5 mg/l
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	6 mg/l
3	Nhu cầu oxi sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001 -1: 2008	4 mg/l
4	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N)	TCVN 6179-1:1996	0,9 mg/l
5	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	1 mg/l
6	Tổng Photpho	TCVN 6202 : 2008	0,03mg/l
7	Đồng (Cu)	TCVN 6193:1996	0,02 mg/l
8	Kẽm (Zn)	TCVN 6193:1996	0,02 mg/l
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B : 2017	0,005 mg/L
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F: 2017	0,3 mg/l
11	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> -N)	TCVN 6178: 1996	0,02 mg/l
12	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -N)	TCVN 6202: 2008	0,03 mg/l
13	Sắt (Fe)	TCVN 6177: 1996	0,03 mg/l
14	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2017	0,07 mg/l
15	Asen	SMEWW 3113B:2017	0,005 mg/L



2	CO	HD-HSMT 13.07
3	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995
4	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009

*HD-HSMT 13.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn lấy mẫu CO ngoài hiện trường*

**2.1.2. Phân tích trong phòng thí nghiệm:**

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Giới hạn phát hiện
1	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	TCVN 5067: 1995	50µg/m <sup>3</sup>
2	CO	HD - HSMT 13.07	3.000 µg/m <sup>3</sup>
3	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	10 µg/m <sup>3</sup>
4	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	10 µg/m <sup>3</sup>

*HD - HSMT 13.07: Quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích CO trong phòng thí nghiệm*

**3. Đất**

**3.1. Lấy và bảo quản mẫu:**

STT	Tên phương pháp	Số hiệu phương pháp
1	Mẫu đất	TCVN 5297:1995; TCVN 7538-2:2005; TCVN 7538-1:2006

**3.2. Phân tích trong phòng thí nghiệm:**

STT	Thông số	Số hiệu phương pháp	Giới hạn phát hiện
1	Chì (Pb)	US EPA 3051A & USEPA 7000B	1,6 mg/kg
2	Đồng (Cu)	US EPA 3051A & USEPA 7000B	2 mg/kg
3	Kẽm (Zn)	US EPA 3051A & USEPA 7000B	2 mg/kg

**4. Bùn thải**

**4.1. Lấy và bảo quản mẫu:**

STT	Tên phương pháp	Số hiệu phương pháp
1	Mẫu bùn	TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004

